

VĂN HOÁ - TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG CỔ TRUYỀN TÂY NGUYÊN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ĐỖ HỒNG KỶ*

I - TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG

Cư dân cư trú lâu đời ở Tây Nguyên đều theo tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Trong đó có thế giới hữu hình và thế giới vô hình.

- Thế giới hữu hình bao gồm các sự vật, hiện tượng như: quá trình sinh nở, trưởng thành, bệnh tật, sự di chuyển của các vật thể (mặt trời, mặt trăng, ngôi sao) v.v... Phần xác và phần hồn của thế giới hữu hình gắn bó và tác động lẫn nhau để tồn tại. Không có hồn thì thân xác bị ốm ho, gầy mòn, sinh lực bị tiêu hao, mất đi sự sinh tồn. Trong thế giới hữu hình đáng chú ý nhất là con người, cây lúa, cây đa và cây gạo.

Theo quan niệm của người Tây Nguyên bản địa (đúng hơn là cư dân cư trú lâu đời) thì phần hồn của con người là quan trọng nhất. Phần hồn chi phối phần xác nên con người khi nói năng, hành động, ứng xử đều theo sự mách bảo và chịu sự giám sát, điều chỉnh của linh hồn. Do vậy, phần xác thông qua phần hồn để cảm nhận, chuyển nội dung giao tiếp, trao đổi với thần linh.

Người Tây Nguyên tôn sùng và ngưỡng mộ thần Lúa. Tín ngưỡng hồn linh đó thể hiện ở niềm tin, sự sùng bái thần Lúa. Họ tin tưởng sâu sắc rằng, nếu ứng xử tốt với thần Lúa thì thần sẽ ban cho mùa màng bội thu, còn nếu không thần sẽ làm cho hạn hán mất mùa. Sự sùng bái còn được đồng bào cảm nhận vị thần này như là nhân vật bằng xương bằng thịt: khi thu hoạch đồng bào không dùng liềm để gặt, mà tuốt bằng tay. Họ sợ rằng nếu dùng liềm để cắt, cây lúa bị đau sẽ xúc phạm đến thần Lúa, thần sẽ phạt, năm sau sẽ bị mất mùa.

Ở một số tộc người Tây Nguyên, cây đa và cây gạo là hai loại cây mang tính biểu tượng cho sự giàu có, may mắn và hạnh phúc của con người. Người Êđê tin rằng ai hái được hoa đa (tất nhiên là hoa biểu tượng, chứ không có trong tự nhiên) đem về nấu ăn thì người đó và dòng họ sẽ trở nên giàu có hơn người. Người Mơ Nông cho rằng cây *blang* (cây gạo) luôn luôn đem lại niềm vui, may mắn và hạnh phúc cho con người.

- Thế giới vô hình là thần linh và các loại ma quỷ.

* TS. Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Yang (thần linh) là tên gọi khá phổ biến trong các tộc người Thượng để chỉ một lực lượng siêu nhiên, luôn luôn có tác động tốt hoặc xấu đối với cuộc sống của con người. Ở đây cũng cần nói thêm từ Yang phổ biến ở các tộc người Nam Đảo (người Chăm ở Trung Bộ cũng dùng Yang để chỉ thần linh) hơn là ở các nhóm tộc người Nam Á. Rất có thể các nhóm tộc người Nam Á tiếp thu danh từ *Yang* từ ngữ hệ Nam Đảo. Trong tâm thức người Thượng, *Yang* có hai loại: thần thiện và thần ác. Tuy nhiên, đó chỉ là tương đối. Nhiều vị thần không toàn thiện, và có những vị thần không toàn ác. Điều quan trọng là cách ứng xử của con người đối với *Yang* như thế nào.

Trong giao tiếp với con người, *Yang* là vô hình. Nhưng trong tưởng tượng của người Thượng, *Yang* được hình dung như một số động vật nào đó. Chẳng hạn, theo người Êđê *Yang Briêng* (thần sao băng) có hình thù giống như con khi; thần Băng Bung, Băng Dai (nữ thần trông coi linh hồn người chết) có hai vú trước ngực và hai vú sau lưng; thần Liê (thần ác hay gây ra hạn hán mất mùa) mặt tròn, da đen, răng thưa, mắt lồi v.v

Người Thượng tin rằng *Yang* có tác động tốt hoặc xấu đối với con người, cho nên họ làm "vui lòng thần linh" thông qua các nghi lễ. Có thể qui nghi lễ của người Thượng thành hai hệ thống chính: nghi lễ vòng đời người và nghi lễ nông nghiệp. Đi liền với nghi lễ vòng đời người và nghi lễ nông nghiệp là những kiêng kỵ, sự thành tâm, lòng ngưỡng mộ... Tất cả đều hướng vào một mục đích thần linh sẽ ban mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, con người khoẻ mạnh, sống lâu, buôn làng yên vui, hạnh phúc. Tín ngưỡng đó biểu hiện qua nội dung lời cầu khẩn, giọng điệu và hành vi của người cúng và vẻ trang nghiêm, ngưỡng mộ của người nghe đối với các lực lượng siêu nhiên, vô hình nào đó.

Tóm lại, tín ngưỡng bản địa của cư dân Tây Nguyên là tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Tín ngưỡng hồn linh đó thể hiện ở niềm tin, sự sùng bái các lực lượng siêu nhân, được thông qua các nghi lễ trong đời sống gia đình, cộng đồng và các hành vi cá nhân. Tất cả đều nhằm vào mục đích cầu an cho cuộc sống của mỗi con người, gia đình và cộng đồng. Ngày nay, tín ngưỡng đó ít nhiều đã bị mờ nhạt.

Quá trình xâm nhập của tôn giáo ngoại lai ở vùng người Thượng bắt đầu từ giữa thế kỷ 19. Từ đó đến nay, nhất là trong những năm gần đây, đạo Công giáo và Tin lành có xu hướng gia tăng, phát triển nhanh trong buôn làng Tây Nguyên¹.

Những người theo đạo kể trên không thuần nhất, một chiều, mà pha trộn, đa chiều. Có thể phân thành các loại như sau: 1. *Lớp người đoạn tuyệt với tập tục.*

¹ Xem Mai Thanh Hải (1998), *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr.163-164.

2. Lớp người "phân tâm"; một nửa dành cho Chúa, một nửa dành cho tập tục.
 3. Lớp người theo đạo gần như bị cưỡng ép (con cái, dòng họ theo đạo, bắt họ phải theo cùng, mặc trong thâm tâm họ không muốn như vậy)

Sinh sống trong môi trường tự nhiên nguyên sơ, hùng vĩ, trình độ sản xuất rất lạc hậu, nhiều hiện tượng diễn ra trong thiên nhiên, đối với người Thượng là những điều bí ẩn. Cùng với trí tưởng tượng mang đậm màu sắc thần thoại, làm cho đồng bào hay thêu dệt nên những câu chuyện viển vông, hoang đường. Những điều Kinh Thánh nói về một ngày tận thế nào đó, tất cả con người thuộc mọi thế hệ đã chết, từ tro bụi sống lại để nghe Chúa phán xét² rất dễ dàng được đồng bào tiếp nhận. Điều này xuất phát từ tín ngưỡng về bùa ngải của cư dân này. Theo họ, bùa ngải có phép màu nhiệm làm cho người ta chết sống lại một cách dễ dàng. Nhiều nhân vật trong sử thi, sau khi chết, thân xác được thiêu thành tro, rồi người ta lấy tro bụi nhào nặn lại theo hình hài người đó lúc còn sống và thổi ngải vào, lập tức người ấy sẽ sống lại và có sức khoẻ hơn trước.

Xét về giáo lý, như xuất phát điểm của nhiều tôn giáo, Công giáo mang cốt lõi nhân văn sâu sắc, nó tôn trọng giá trị đạo đức, kêu gọi và thúc giục lòng yêu đồng loại. Tư tưởng, tình cảm này cũng rất phù hợp với truyền thống đạo đức, tình yêu thương lẫn nhau của người Thượng trong cuộc sống.

So với Công giáo, Tin lành lựa chọn được hình thức hoạt động mềm dẻo hơn, giáo lý và nghi lễ được đơn giản hoá và quần chúng hoá. Do vậy, trong điều kiện kinh tế khó khăn, nó càng hấp dẫn người ta hơn. Chính bà Nder ở buôn Bu Prăng 2 (thuộc tỉnh Đắk Nông) bị con cái ép theo đạo Tin lành, mỗi khi nghe tiếng chiêng bà đã khóc, bà dự định khi con trai đi lấy vợ, bà sẽ bỏ đạo Tin lành để quay về với tập tục, thế mà bà vẫn nói rằng: Theo Tin lành có cái hay là khi trong nhà có việc không phải làm cúng, chỉ cần cầu nguyện.

II - ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Đặc điểm của văn hoá cổ truyền Tây Nguyên

Văn hoá cổ truyền Tây Nguyên có các đặc điểm sau:

- Văn hoá ứng xử với môi trường

Người Tây Nguyên "ăn rừng" (sa bri, theo cách nói của người Mơ Nông), nghĩa là họ khai thác các khu rừng "thần cho phép" để đốt cây, làm rẫy. Tập tục

² Có thể nói thêm việc miêu tả Arôn dâng lễ trong Kinh Thánh (xem *Kinh Thánh*, United Bible Societies. 14M – 1992, P123. Printed in Korea) có cái gì đó khá gần với nghi lễ bôi hút con vật hiến sinh vào “bàn thờ” của người Mơ Nong.

của đồng bào nghiêm cấm con người chặt phá rừng đầu nguồn, chặt cây cỏ thụ. Ai vi phạm sẽ bị tập tục xét xử, trừng phạt.

Do cuộc sống gắn bó chặt chẽ với rừng, nên các quy phạm ứng xử với môi trường của người Tây Nguyên chủ yếu là quan hệ với rừng. Bảo vệ rừng để nuôi dưỡng nguồn lợi thiên nhiên, đồng bào còn tôn trọng rừng, coi rừng là đối tác như đối tác với con người. Trong thời gian săn bắn trong rừng, người đi săn không được nói năng tục tĩu, ném đất đá xuống nước. Còn vợ của những người này ở nhà nếu có khách đến chơi không được tiếp rượu, không được đến nhà khác uống rượu, đặc biệt không được ca hát, nhảy múa. Trong sử thi Êđê, cây rừng còn được xây dựng thành hình ảnh như là hình ảnh con người. Đây là lời nói của nhân vật "cây rừng" nói với con người : "*Ông chặt chúng tôi, ông hạ chúng tôi để làm gì?... Chúng tôi làm lối đi mát như vậy, con cháu ông mới khoẻ mạnh*"³.

- Văn hoá ứng xử trong gia đình, dòng họ

Nhìn chung, trong xã hội Tây Nguyên cổ truyền, các gia đình thị tộc, mẫu hệ, sinh sống trong ngôi nhà dài là hình thức cư trú phổ biến. Thường ngày, các tiểu gia đình ăn uống và làm rẫy riêng, nhưng khi có công việc chung như thực hiện một số nghi lễ vòng đời người, nghi lễ nông nghiệp, thì mọi người cùng nhau chăm lo công việc và ăn uống chung.

Cách ứng xử của các thành viên trong gia tộc là kính trên nhường dưới, nhưng phải dựa trên cơ sở phải trái, công bằng. Người Ê Đê có câu giáo huấn: *Con cái phải làm vui lòng cha mẹ/ Như cha mẹ đã làm vui lòng ông bà*. Lời giáo huấn này đã được tiếp nối qua các thế hệ, đó là nét đẹp của truyền thống đạo đức của cộng đồng.

Các thành viên trong dòng họ có nhiệm vụ tương trợ, giúp đỡ nhau trong các công việc làm rẫy, dựng nhà, ma chay, cưới xin. Khi một ai đó gặp khó khăn, hoạn nạn thì những người trong dòng họ phải chung nhau giúp đỡ.

Cách ứng xử giữa các thành viên trong dòng họ cũng như giữa các dòng họ với nhau ở các tộc người bản địa Tây Nguyên theo cách thức chia sẻ, gánh vác trách nhiệm cộng đồng, bảo ban nhau. Cách ứng xử đó được thực hiện theo chuẩn mực của tập tục cộng đồng.

- Văn hoá ứng xử trong cộng đồng

Làng là tổ chức xã hội cao nhất của xã hội Tây Nguyên cổ truyền, người ta có nói tới hình thức liên minh giữa một số làng, nhưng đó chỉ là cá biệt, mang tính tạm thời.

³ Viện khoa học xã hội Việt Nam (2006), *Mơng Dăm: Sử thi Êđê*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 864.

Trước hết phải nhấn mạnh rằng, tính cộng đồng của cư dân bản địa Tây Nguyên là đặc điểm nổi bật nhất. Tính cộng đồng đó tự nhiên, chân thật, keo sơn, bền chặt mà cởi mở, tạo nên bản sắc văn hoá vùng, làm nó không trộn lẫn vào đâu được.

Khi một gia đình trong buôn làng có việc, nhất là có tang, họ hàng gần xa, làng dưới, làng trên, người già, người trẻ đều cùng nhau đến nhà tang chủ để chia buồn và gánh vác trách nhiệm cộng đồng: *Buôn phía đông mang com cục/ Buôn phía tây mang com gói/ Buôn phía bắc, buôn phía nam/ Cùng đến thăm linh hồn người chết.*

Khi một nhà có khách, cũng là khách chung của làng. Mọi người cùng ăn com, uống rượu tự nhiên như ở nhà mình. Mỗi gia đình chăn nuôi đàn trâu bò riêng, đó là của cải riêng của từng gia đình, nhưng khi giết thịt thì là chung của cả làng⁴.

Tóm lại, văn hóa cổ truyền Tây Nguyên có các đặc điểm chính như sau:

- Đặc điểm nổi bật của văn hoá cổ truyền Tây Nguyên là tính nguyên hợp cao. Một bài dân ca, một đoạn sử thi không chỉ đơn thuần mang tư tưởng, tình cảm của cộng đồng, mà còn gắn với môi trường diễn xướng, phong tục tập quán, tín ngưỡng, v.v Ngược lại, các hình thức văn nghệ dân gian như công chiêng, ca hát, nhảy múa được diễn xướng trong các nghi lễ của cộng đồng.

- Đoàn kết cộng đồng như chất keo gắn con người lại với nhau. Họ đùm bọc, yêu thương nhau, chia sẻ với nhau niềm vui khi mùa màng bội thu, chung vai gánh vác những khó khăn khi hạn hán mất mùa. Trong cuộc sống, niềm vui và nỗi buồn vẫn đi với nhau. Khi có khó khăn, mâu thuẫn, đồng bào cùng ngồi uống rượu để giải bày những khúc mắc. Lúc gay cấn nhất, người ta vẫn khuyên nhau: *Con nai chớ có húc nhau/ Con hổ chớ có cắn nhau/ Con người chớ có đánh nhau.*

- Văn hoá cổ truyền Tây Nguyên gắn bó chặt chẽ với đời sống thực tiễn và thế giới tâm linh của con người. Thêm nữa, thế giới thần linh có ảnh hưởng sâu sắc đến ứng xử của họ.

2. Vai trò và tác động của các yếu tố văn hoá cổ truyền Tây Nguyên

Văn hoá cổ truyền Tây Nguyên có tác động to lớn đến đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào.

⁴ Xem thêm Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa xã hội và con người Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 17.

Văn hoá cổ truyền Tây Nguyên đã góp phần khuyên răn, giáo dục con người, dạy dỗ con người cách ứng xử trong cuộc sống. Nó là công cụ quan trọng trong việc củng cố và thắt chặt thêm mối quan hệ cộng đồng.

Trình độ sản xuất và lực lượng sản xuất của các cư dân Tây Nguyên cổ truyền rất thấp kém. Trong sản xuất, họ chỉ dựa vào kinh nghiệm. Các kinh nghiệm ấy được đúc kết thành các câu thành ngữ, tục ngữ lưu truyền từ đời này qua đời khác. Trong lúc lao động trên nương rẫy, các bậc cha mẹ, ông bà dùng các câu tục ngữ nói về kinh nghiệm thời tiết, sản xuất đọc cho con trẻ (đồng bào lúc gieo hạt địu con trên lưng), cho con cháu đang tập làm rẫy nghe. Nhờ vừa thực hành vừa "lí thuyết" trong môi trường như vậy mà các câu thành ngữ, tục ngữ về kinh nghiệm thời tiết, sản xuất có hiệu quả thiết thực trong đời sống thực tiễn của cộng đồng.

Xã hội Tây Nguyên cổ truyền được điều hành bởi luật tục. Hầu như mọi hành động của con người trái với phong tục tập quán của cộng đồng đều được phân xử bằng luật tục. Về mặt thiết chế, xã hội Tây Nguyên vận hành được là nhờ vào luật tục. Trong xã hội đương đại, vai trò của luật tục ít nhiều có bị giảm, nhưng nó vẫn là công cụ góp phần giải quyết các mâu thuẫn, xích mích trong cộng đồng.

Luật tục là hình thức văn hoá dân gian có sức sống hơn cả trong xã hội đương đại. Mặc dù vai trò của người xử kiện trong xã hội đương đại có bị lu mờ đi so với xã hội cổ truyền, nhưng ông ta vẫn đứng ra giải quyết các mâu thuẫn, xích mích xảy ra trong buôn làng theo phong tục, nghĩa là dùng tập quán để phân xử.

Văn hoá dân gian Tây Nguyên gắn bó chặt chẽ với đời sống thực tiễn và thế giới tâm linh của con người. Bên cạnh vai trò vui chơi, giải trí, nó còn gắn với tín ngưỡng, phong tục tập quán. Hay nói cách khác, kho tàng văn hoá dân gian đó vừa thoả mãn nhu cầu văn nghệ, vừa đáp ứng đời sống tín ngưỡng của con người.

3. Thực trạng văn hoá cổ truyền Tây Nguyên trong xã hội đương đại

Hiện nay, trong các gia đình người Thượng còn làm nương rẫy vẫn tổ chức các nghi lễ về nông nghiệp. Trong đó, cúng thần Lúa vẫn được coi là quan trọng nhất. Về nghi lễ liên quan đến vòng đời người, họ vẫn tiến hành khá đầy đủ, nhưng đã giản lược đi nhiều. Ở người Mơ Nông, bên cạnh nghi lễ cúng thần Lúa, các nghi lễ cúng voi là được giữ nguyên vẹn hơn cả. Theo định kỳ (6 tháng một lần), đồng bào lại làm lễ cúng voi. Chắc là con voi quá gần bó và hữu ích đối với người Mơ Nông, nên họ vẫn giữ nguyên hình thức cúng lễ như trong xã hội cổ truyền. Voi ở huyện Lạc, Buôn Đôn được dùng vào việc phục vụ khách du lịch, và chúng đã mang lại nguồn lợi kinh tế lớn cho đồng bào. Tín

ngưỡng - nghi lễ được phát sinh và tồn tại cũng nhờ một phần bởi nhu cầu trần tục của con người.

Hiện nay, hằng năm ngành văn hoá huyện được Nhà nước cấp một nguồn kinh phí để duy trì, bảo tồn văn hoá truyền thống. Nếu tổ chức lễ hội thì người ta thành lập Ban tổ chức để chỉ đạo, còn việc cụ thể được giao cho người dân. Như vậy, công việc của họ mà họ không được chủ động quyết định. Do đó, họ không mặn mà, tâm huyết với công việc.

Không gian lễ hội truyền thống do người dân tự tổ chức là không gian thiêng. Thiêng trong tâm thức và thiêng cả trong không gian địa lí. Ánh sáng của đồng lửa tự nhiên trước đây, đồng bào dùng củi để đốt góp phần làm cho không gian đó thêm linh thiêng. Hiện nay, khi tổ chức lễ hội theo phong trào, lúc chọn địa điểm, người ta thường chọn những nơi thuận tiện giao thông, dễ lắp đặt các thiết bị máy móc. Trong ánh sáng điện chói loà, làm cho chủ nhân của lễ hội thấy căng thẳng, ngột ngạt. Bởi vì trong đó có nhiều "ngoại cảnh" không phải là văn hoá của họ.

Lễ hội ngày nay được tổ chức rầm rộ, đông mà xem ra không vui, người xem là chính. Người già có hát dân ca, nhưng bị chìm trong âm thanh của các ca khúc hiện đại. Trang phục truyền thống của đồng bào trong lễ hội bị pha tạp. Đồng bào sử dụng trang sức lẫn nhau, thậm chí mặc cả trang phục hiện đại. Thật ra, họ không làm khác được. Bởi vì người biết dệt thổ cẩm trong cộng đồng bây giờ rất hiếm. Về giá trị kinh tế, trang phục bằng thổ cẩm bao giờ cũng đắt gấp nhiều lần trang phục hiện đại. Khi vào lễ cúng, với trang phục hiện đại, không ít người Thượng cảm thấy không được tự nhiên, thoải mái như khi đóng khố.

Lễ hội cổ truyền Tây Nguyên hiện nay không diễn ra theo định kỳ như trước đây. Nội dung lễ hội cũng không còn nguyên sơ như trước nữa. Nhà nước có chủ trương rất đúng đắn là cấp kinh phí cho việc duy trì bảo tồn lễ hội. Tuy nhiên, công việc triển khai cụ thể không khoa học. Người ta quên mất rằng trong lễ hội, việc vui chơi chỉ là phụ, đời sống tâm linh mới là quan trọng. Chính đời sống tâm linh và không gian thiêng của lễ hội đã gián tiếp tạo ra cách ứng xử nhân văn của con người với môi trường, với cuộc sống.

Để lễ hội phát huy các giá trị văn hoá, tâm lí, đạo đức cộng đồng trong cuộc sống đương đại, chúng ta cần nắm được chủ thể lễ hội mong ước, khát vọng điều gì qua lễ hội. Từ đó mới có cách thức tổ chức lễ hội phù hợp. Vấn đề là ở chỗ, hãy để cho đồng bào tự tổ chức lễ hội của mình. Còn chúng ta chỉ là người trợ giúp, quan sát.

Không giống như lễ hội, cứ có kinh phí là tạo dựng được, sử thi Tây Nguyên có bao nhiêu tiền của cũng không "dựng" được một nghệ nhân có trí

nhớ thiên bẩm. Vì thế, chúng ta không lấy gì làm lạ khi số lượng nghệ nhân đích thực về sử thi của một tộc người chỉ đếm được trên đầu ngón tay.

Chúng tôi cho rằng, nghệ nhân sử thi dân gian đích thực phải hội tụ các phẩm chất và điều kiện sau: 1) Có trí nhớ thiên bẩm. Hát kể sử thi là do yêu cầu nội tại, đồng thời muốn làm thoả mãn nhu cầu văn nghệ, nhu cầu văn hoá, tín ngưỡng của cộng đồng. 2) Không vụ lợi. Mong muốn chính là giúp cho người nghe nắm được "lịch sử" của tộc người mình. 3) Có cảm quan, có niềm tin về "hiện thực huyền ảo" mà sử thi đề cập.

Để có được cảm quan "hiện thực huyền ảo" thì cái nhìn của con người về thực tại phải thông qua lăng kính thần thoại. Xã hội càng phát triển thì cái nhìn theo kiểu này ngày càng nghèo nàn, vắng bóng. Thêm nữa, khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ cũng góp phần tạo nên đời sống tâm linh, tạo ra cảm quan "hiện thực huyền ảo", mà khung cảnh thiên nhiên này đang nhanh chóng thay đổi vì sự khai thác ồ ạt của con người.

Sử thi Tây Nguyên là một loại "đạo" mà nghệ nhân bao thế hệ đã theo đuổi, nhằm truyền đạt giúp người nghe nắm được lịch sử của tổ tiên mình. Tuy nhiên, bây giờ họ không mấy khi hát, kể sử thi cho cộng đồng nghe. Công chúng - đối tượng chính của sử thi - ngày càng thưa thớt, vắng bóng. Ngôi nhà truyền thống là nơi diễn ra các buổi hát, kể sử thi cũng không còn như trước nữa. Các ngôi nhà của người Thượng xưa thường đặt ven suối để tiện khai thác nguồn nước. Mái nhà lợp bằng các loại cây lấy trong rừng mà mùa nắng thì mát, mùa lạnh thì ấm. Kiểu nhà đó đang mất dần.

Bây giờ hầu hết các ngôi nhà của người Thượng mái đều lợp bằng tôn, gia đình nào khá giả thì đồ mái bằng. Trong nhiều gia đình người ta treo ảnh Chúa Giêsu và Đức Mẹ đồng trinh. Như vậy có nghĩa là các nhân vật như các thần Aê Du, Aê Diê (người Ê Đê), Bok Kei Dei (người Ba Na) đã không còn chỗ đứng trong tâm thức của họ nữa. Và như thế cũng có nghĩa là các sinh hoạt văn hoá cổ truyền không còn được diễn ra trong những ngôi nhà truyền thống cổ xưa nữa.

Về dân ca, người Thượng vẫn cùng nhau hát trong các dịp vui của cộng đồng như đám cưới, cúng sức khoẻ, ở nhà mới, v.v. Một số người giỏi "lối nói vần" còn dựa vào các làn điệu dân ca cổ truyền để chuyển tải các nội dung của xã hội mới, không nghe theo lời kẻ xấu, hăng hái tòng quân bảo vệ quê hương, giữ gìn môi tình Kinh - Thượng. Đây là dấu hiệu đáng mừng của văn hoá cổ truyền được phát huy và phát triển trong xã hội đương đại.

Về âm nhạc, trừ công chiêng, các loại nhạc cụ khác rất ít khi được sử dụng. Số lượng chiêng trong các buôn làng Tây Nguyên đã giảm nhiều. Sau khi không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên được UNESCO công

nhận (2005) là Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại, Nhà nước Việt Nam và các cấp chính quyền địa phương đã đặc biệt quan tâm và chi một nguồn kinh phí lớn để bảo tồn. Kết quả của các Dự án bảo tồn và phát huy các giá trị của công chiêng Tây Nguyên là rất đáng mừng. Bên cạnh đó, UNESCO cũng tài trợ cho việc "Bảo tồn không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên". Nhờ các động lực như vậy mà sinh hoạt văn hoá công chiêng được tổ chức khá đều đặn trong các buôn làng Tây Nguyên.

III. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT

Dưới đây, chúng tôi đề xuất một số giải pháp bảo lưu, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống để nhằm vào việc phát triển bền vững cộng đồng người Thượng.

Thứ nhất, cần bảo tồn không gian sinh thái. Chỗ nào con người đã khai thác thì trong phạm vi có thể hãy khôi phục lại dạng nguyên sơ của chúng. Dù khó khăn đến mấy, Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương cũng phải giữ gìn, bảo vệ rừng, tuyệt đối không cho bất cứ ai khai thác các khu rừng nguyên sinh vốn còn rất ít ở vùng người Thượng. Đây không phải chỉ là vấn đề môi trường, mà còn là nền tảng, là mảnh đất nuôi dưỡng văn hoá cổ truyền.

Bảo vệ, gìn giữ môi trường sinh thái là góp phần quan trọng vào việc phát triển bền vững cộng đồng, đồng thời cũng là góp phần bảo tồn văn hoá tộc người cư trú lâu đời ở đây.

Thứ hai, phát triển kinh tế ở vùng đồng bào bằng cách khôi phục rừng và giao đất sản xuất cho chủ hộ dưới sự giám sát và hỗ trợ của Nhà nước. Như vậy, đồng bào ít nhiều lại được trở về với các tập quán quen thuộc của mình, họ được trở lại với chính mình. Đây cũng là động lực phát huy sức mạnh nội lực truyền thống. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là chúng ta kết hợp cách thức làm ăn cổ truyền với phương thức hiện đại.

Bảo vệ không gian sinh thái, phát triển kinh tế là hai cứu cánh để đồng bào ổn định cuộc sống. Khi có điều kiện kinh tế, không gian sinh thái được bảo tồn thì các nhu cầu văn hoá, sinh hoạt nghi lễ, lễ hội sẽ trở lại với cộng đồng. Từ đó nó sẽ có sức mạnh "kháng sinh" với các luồng văn hoá không lành mạnh.

Thứ ba, văn hoá dân gian của người Thượng, nhất là nghi lễ, phong tục tập quán rất rườm rà, trong đó có nhiều cái không phù hợp với cuộc sống mới. Cần mời các chuyên gia am hiểu văn hoá Thượng phối hợp với các trí thức bản địa và già làng bàn bạc, thảo luận xem nên loại bỏ cái gì, bảo tồn các giá trị văn hoá nào.

Thứ tư, các dự án, chương trình văn hoá đều phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống. Các kiến nghị của dự án, chương trình phải trên cơ sở dữ liệu của

công tác điều tra thực địa. Tuyệt đối không áp đặt bất cứ một chuẩn mực, văn hoá nào vào đời sống văn hoá của đồng bào.

Một khi chúng ta làm tốt các công việc kể trên là chúng ta đã góp phần vào việc phát triển bền vững các cộng đồng dân tộc ở Tây Nguyên.